TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HS-ST
Ngày: 27/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

-Với thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Trọng Lâm là P.CT Hội nông dân huyện Tân Phú, Đ Nai;
Ông Hà Văn Dương là Phó Bí thư Đảng ủy UBND xã Phú T, huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai (đã từng làm Phó Bí thư Đoàn T niên Cộng sản Hồ Chí Minh của UBND huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai).
-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai.
-Đại diện VKSND huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2018/TLST-HS ngày 21/6/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 55/2018/QĐXXST-HS ngày 12/7/2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh ngày 10/4/2001;
Nơi sinh tại tỉnh Đ Nai;
Nơi cư trú tại Ấp 4, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai;
Giới tính: Nam; dân Tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; con ông Nguyễn Đức H và con bà Phạm Thị C; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giam ngày 16/3/2018.

***** *Người đại diện hợp pháp (đại diện theo pháp luật) của bị cáo*: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1974; cùng nơi cư trú tại Ấp 2, xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai.

***** *Người bào chữa giúp bị cáo*: Ông Đào Duy T, sinh năm 1969; là Luật sư - Văn phòng Luật sư Đào Duy T (thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ Nai), nơi cư trú tại Ấp 5, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đ Nai.

* *Người bị hại*: Cao T Tú, sinh năm 1987; Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982; Phan Bá Hòa, sinh năm 1969; Nguyễn H T, sinh năm 1987; cùng nơi cư trú tại Ấp 2, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai; Nguyễn Hồng N, sinh năm 1961 (nơi cư trú tại Ấp 5, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai); Trương Hoài P, sinh năm 1979 (nơi cư trú tại Ấp 2, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai).

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Vũ Văn H, sinh năm 1985; Nguyễn T Chiến, sinh năm 1990; cùng nơi cư trú tại Ấp 2, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai.

* *Người làm chứng*: Nguyễn Cao T, sinh năm 1968; nơi cư trú tại Ấp 4, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai.

(Bị cáo, người bào chữa, người đại diện theo pháp luật của bị cáo có mặt tại phiên tòa; người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Khoảng 23 giờ ngày 02/10/2017, bị cáo đến nhà Cao T Tú, thấy Tú đang nằm ngủ, nên lấy 03 điện thoại, đến ngày 06/10/2017 đến tiệm điện thoại Tuổi Trẻ của Vũ Văn H làm chủ, bán tài sản này 880.000 Đ; Bản kết luận định giá tài sản số: 72/KL/HĐĐGTS ngày 06/11/2017 của Hội Đ định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú; kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39 đã sử dụng có giá 2.500.000 Đ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3 màu vàng đã sử dụng có giá 1.500.000 Đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 225 đã sử dụng có giá 600.000 Đ. Giá trị các tài sản là 4.600.000 Đ;

- Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 08/10/2017, bị cáo đến phòng của Nguyễn Văn Đ, Đ đang ngủ, bị cáo lấy máy tính xách tay để và 01 điện thoại hiệu Oppo Neo7, mang về nhà ông Phan Bá Hòa; Bản kết luận định giá tài sản số: 72/KL/HĐĐGTS ngày 06/11/2017 của Hội Đ định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú; kết luận: 01 máy tích xách tay hiệu HP Model 14-AM059TU đã sử dụng có giá 8.300.000 Đ, 01 điện thoại di động hiệu Oppo Neo 7 đã sử dụng có giá 2.100.000 Đ và 01 túi xách màu đen ngang 03 cm dài 40 cm đã sử dụng có giá 100.000 Đ. Giá trị tài sản là 10.500.000 Đ;

- Tháng 9/2017, bị cáo trộm cắp tài sản của Nguyễn H T: 01 hiệu Samsung G530H và 01 điện thoại di động hiệu Viettel Xphone X6319, đến tiệm điện thoại Nguyễn T Chiến làm chủ để bán thì bị phát hiện, bị cáo để lại 02 điện thoại rồi bỏ đi. 02 điện thoại này được định giá 860.000 Đ;

- Tháng 6/2017 đến tháng 10/2017, bị cáo ở nhà ông Phan Bá Hòa đã lấy trộm của ông Hòa 132.000 Đ. Ngày 10/10/2017 ông Hòa kiểm tra số tài sản bị cáo để tại nhà ông thì thấy có máy tính xách tay (giấy cá nhân của Nguyễn Văn Đ nên ông nghi ngờ số tài sản này không phải của bị cáo), ông thông báo đến ông Đ đến coi thì đúng là tài sản của Đ và Đ trình báo đến cơ quan Công an.

- Ngày 14/12/2017 bị cáo đến nhà ông Nguyễn Hồng N, trộm xe đạp sử dụng, xe đạp được định giá 500.000 Đ; khoảng 23 giờ 30 phút ngày 14/3/2018 bị cáo đến nhà Trương Hoài P (ấp 1, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đ Nai) lấy trộm 01 túi da có 5.333.000 Đ, về đến khu vực rẫy gần T tiểu học Phú Lộc để ngủ, bỏ túi da ở nơi này, lấy 200.000 Đ trong số tiền này sử dụng.

- Tháng 01/2018 có trộm 01 điện thoại hiệu GIONEE tại ấp 4, xã Phú Thịnh và tháng 02/2018 trộm một số hạt tiêu tại địa bàn xã Phú Lộc đã bán lấy tiền sử dụng, chưa xác định được chủ sở H tài sản. Công an huyện Tân Phú xác minh tại

địa phương, thông báo tìm kiếm chủ sở H tài sản nhưng chưa xác định được người bị hại.

* Khi tranh luận thì Kiểm sát viên trình bày ý kiến luận tội như sau:

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội. Lời khai của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên Cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội nhiều lần; đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội Đ Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù.

***** Người bào chữa trình bày ý kiến: Thống nhất với Cáo trạng, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát tranh luận nên không có ý kiến thêm.

* Bị cáo trình bày ý kiến: Bị cáo có sử dụng, chi tiêu vào mục đích tư riêng của bị cáo về tiền trộm cắp 200.000 Đ của người bị hại (P) và 880.000 Đ tiền bán điện thoại đã trộm cắp được tại nhà đương sự Vũ Văn H mua điện thoại của bị cáo bán. Nội dung của Bản cáo trạng đúng sự thật; Đ ý với ý kiến tranh luận của người bào chữa, bị cáo đề nghị Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

***** Người đại diện hợp pháp của bị cáo (ông H và bà C) trình bày ý kiến: Đ ý bồi thường thiệt hại theo quy định của luật khi người bị hại, đương sự trong vụ án có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố:

Biên bản giao nhận người bị giam giữ không có dấu cơ quan Công an nhận người bị giam giữ, biên bản đã tẩy xóa nội dung; Quyết định truy tố chỉ nêu khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (không có năm ban hành luật) là chưa đúng quy định của pháp luật. Nhưng vấn đề này không ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia tố tụng cũng như các vấn đề phải giải quyết trong vụ án nên Hội Đ xét xử vẫn xét xử vụ án mà không hoãn phiên tòa để khắc phục các vi phạm này;

Hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát không có ý kiến khiếu nại của người tham gia tố tụng. Các hoạt động tố tụng này của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đều hợp pháp.

* Người bị hại, đương sự, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa: Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án, do họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Người tham gia tố tụng vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội Đ xét xử quyết định giải quyết vụ án vắng mặt họ.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi:

Ngày 02/10/2017 trộm cắp tài sản của người bị hại (Tú): 03 điện thoại di động, giá trị tài sản 4.600.000 Đ; ngày 08/10/2017 trộm cắp tài sản của người bị hại (Đ): 01 máy tính sách tay và 01 điện thoại di động. Giá trị các tài sản này là

10.500.000 Đ; tháng 9/2017 trộm cắp tài sản của người bị hại (T): 02 điện thoại di động giá trị tài sản 860.000 Đ; tháng 10/2017 trộm cắp tiền của người bị hại (Hòa) 132.000 Đ; ngày 14/12/2017 trộm cắp tài sản của người bị hại (N) 01 xe đạp trị giá 500.000 Đ; ngày 14/3/*2018* trộm cắp tài sản của người bị hại (P) 5.333.000 Đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 21.925.000 Đ.

Căn cứ ý kiến trình bày của bị cáo, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở chứng minh , kết luận: Bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" là đúng quy định của Bộ luật Hình sự.

* Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình để nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động, làm những việc có ích lợi với mình, gia đình và xã hội, nhưng bị cáo không làm được điều này mà lén lút lấy trộm tài sản của các người bị hại là xâm phạm quyền sở H tài sản của người khác, trực tiếp gây ra thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại.

Bị cáo không có nghề nghiệp, liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đang bị khởi tố, bỏ trốn, bị truy nã vẫn đi trộm cắp tài sản. Qua đó, cho thấy bị cáo không có sự ăn năn, không khắc phục sửa chữa lỗi lầm, sai phạm. Vì vậy, phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, Đ thời để góp phần trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo là người dưới 18 tuổi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong thời gian Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 đều có hiệu lực thi hành tại từng thời điểm phạm tội, khung hình phạt tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 không có thay đổi về nội dung Ch sách pháp luật, về mức hình phạt; các Bộ luật đều quy định khung hình phạt là "*bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*". Vì vậy, Hội Đ xét xử áp dụng Điều khoản của các Bộ luật Hình sự để giải quyết vụ án, quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là đúng với Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (áp dụng luật đang có hiệu lực thi hành xử lý tội phạm và các điều khoản của pháp luật hình sự có lợi cho bị cáo để giải quyết vụ án).

[3] Về vật chứng, trách nhiệm dân sự:

Các người bị hại đã nhận lại tài sản; đến nay, người bị hại và đương sự trong vụ án không có yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường thiệt hại nên Hội Đ xét xử không xem xét. Sau khi xét xử vụ án mà họ có đơn khởi kiện yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại thì Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu của đương sự trong vụ án khác.

Bị cáo sử dụng số tiền 1.080.000 Đ là tài sản của người bị hại (P) và đương sự (H) nhưng các người này không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, bị cáo dùng tiền này là không hợp pháp nên bị cáo có nghĩa vụ nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với điện thoại di động hiệu GIONEE, chưa xác định được người bị hại nên Công an huyện Tân Phú tiếp tục bảo quản để điều tra làm rõ xử lý sau là đúng luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ

thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 Đ.

* Kiểm sát viên đề nghị Hội Đ xét xử giải quyết vụ án vắng mặt các người bị hại, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội Đ xét xử nên được chấp nhận. Lời luận tội của Kiểm sát viên đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị các nội dung phải giải quyết trong vụ án đúng quy định của luật; đối với đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội 02 lần trở lên) quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo nhưng người bào chữa không có ý kiến tranh luận về phần này. Hội Đ xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung này, vì áp dụng tình tiết tăng nặng như vậy là vi phạm khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999), làm bất lợi cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 7, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

*Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội: "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt: Nguyễn Minh T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2018.

* Về vật chứng, trách nhiệm dân sự: Đến nay, người bị hại và đương sự trong vụ án không có yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường thiệt hại nên Hội Đ xét xử không xem xét. Sau khi xét xử vụ án mà họ có đơn khởi kiện yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại thì Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu của đương sự trong vụ án khác.

* Bị cáo phải nộp lại số tiền 1.080.000đ (một triệu, không trăm tám mươi nghìn Đ) để sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về chi phí tố tụng: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn Đ).

* Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày tuyên án;

Đối với người bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo của những người này là 15 ngày, tính từ ngày người tham gia tố tụng nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng (*có quyền nhận Bản án*);
- Công an huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh ĐN (2).
- Cơquan Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- TAND tỉnh Đ Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đ Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND nơi cư trú của bị cáo
{để thay thông báo kết quả xét xử};
- Lưu hồ sơ vụ án, TAND huyện Tân Phú.

Võ Kim Đính